

## THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế cuối năm  
Năm học 2022 - 2023

|                                        | Tổng số    | Chia ra    |            |            |            |            |
|----------------------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
|                                        |            | Lớp 1      | Lớp 2      | Lớp 3      | Lớp 4      | Lớp 5      |
| <b>I. Tổng số HS</b>                   | <b>654</b> | <b>108</b> | <b>122</b> | <b>132</b> | <b>149</b> | <b>143</b> |
| <b>II. Học sinh học 2 buổi/ngày</b>    | <b>292</b> |            |            |            | <b>149</b> | <b>143</b> |
| <b>III. Đánh giá học sinh</b>          |            |            |            |            |            |            |
| <b>Tổng số HS xếp loại các môn học</b> |            |            |            |            |            |            |
| <b>1. Toán</b>                         | <b>654</b> | <b>108</b> | <b>122</b> | <b>132</b> | <b>149</b> | <b>143</b> |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt              | <b>457</b> | 93         | 95         | 111        | 82         | 76         |
| - Hoàn thành                           | <b>196</b> | 14         | 27         | 21         | 67         | 67         |
| - Chưa hoàn thành                      | <b>1</b>   | 1          |            |            |            |            |
| <b>2. Tiếng Việt</b>                   | <b>654</b> | <b>108</b> | <b>122</b> | <b>132</b> | <b>149</b> | <b>143</b> |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt              | <b>416</b> | 92         | 90         | 103        | 70         | 61         |
| - Hoàn thành                           | <b>236</b> | 14         | 32         | 29         | 79         | 82         |
| - Chưa hoàn thành                      | <b>2</b>   | 2          |            |            |            |            |
| <b>3.Khoa học</b>                      | <b>292</b> |            |            |            | <b>149</b> | <b>143</b> |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt              | <b>178</b> | x          | x          | x          | 95         | 83         |
| - Hoàn thành                           | <b>114</b> |            |            |            | 54         | 60         |
| - Chưa hoàn thành                      |            |            |            |            |            |            |
| <b>4.Lịch sử &amp; Địa lý</b>          | <b>292</b> |            |            |            | <b>149</b> | <b>143</b> |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt              | <b>123</b> | x          | x          | x          | 61         | 62         |
| - Hoàn thành                           | <b>169</b> |            |            |            | 88         | 81         |
| - Chưa hoàn thành                      |            |            |            |            |            |            |
| <b>5. Ngoại ngữ</b>                    | <b>654</b> | <b>108</b> | <b>122</b> | <b>132</b> | <b>149</b> | <b>143</b> |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt              | <b>433</b> | 103        | 108        | 102        | 57         | 63         |
| - Hoàn thành                           | <b>221</b> | 5          | 14         | 30         | 92         | 80         |
| - Chưa hoàn thành                      |            |            |            |            |            |            |
| <b>6. Hoạt động trải nghiệm</b>        | <b>362</b> | <b>108</b> | <b>122</b> | <b>132</b> |            |            |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt              | <b>275</b> | 87         | 92         | 96         | x          | x          |
| - Hoàn thành                           | <b>87</b>  | 21         | 30         | 36         |            |            |
| - Chưa hoàn thành                      |            |            |            |            |            |            |
| <b>7. Tin học</b>                      | <b>414</b> | <b>x</b>   | <b>122</b> | <b>x</b>   | <b>149</b> | <b>143</b> |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt              | <b>258</b> | x          | 109        |            | 86         | 63         |
| - Hoàn thành                           | <b>156</b> |            | 13         |            | 63         | 80         |
| - Chưa hoàn thành                      |            |            |            |            |            |            |
| <b>8. Đạo đức</b>                      | <b>654</b> | <b>108</b> | <b>122</b> | <b>132</b> | <b>149</b> | <b>143</b> |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt              | <b>493</b> | 92         | 97         | 101        | 103        | 100        |
| - Hoàn thành                           | <b>161</b> | 16         | 25         | 31         | 46         | 43         |
| - Chưa hoàn thành                      |            |            |            |            |            |            |
| <b>9. Tự nhiên và Xã hội</b>           | <b>362</b> | <b>108</b> | <b>122</b> | <b>132</b> | <b>x</b>   | <b>x</b>   |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt              | <b>283</b> | 88         | 96         | 99         | x          | x          |
| - Hoàn thành                           | <b>79</b>  | 20         | 26         | 33         |            |            |
| - Chưa hoàn thành                      |            |            |            |            |            |            |

|                                             |            |            |            |            |            |            |
|---------------------------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| <b>10. Âm nhạc- NT ÂN-khối 1,2,3</b>        | <b>654</b> | <b>108</b> | <b>122</b> | <b>132</b> | <b>149</b> | <b>143</b> |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt                   | 457        | 95         | 94         | 96         | 100        | 72         |
| - Hoàn thành                                | 197        | 13         | 28         | 36         | 49         | 71         |
| - Chưa hoàn thành                           |            |            |            |            |            |            |
| <b>11. Mỹ thuật- NT MT-khối 1,2,3</b>       | <b>654</b> | <b>108</b> | <b>122</b> | <b>132</b> | <b>149</b> | <b>143</b> |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt                   | 452        | 88         | 93         | 94         | 98         | 79         |
| - Hoàn thành                                | 202        | 20         | 29         | 38         | 51         | 64         |
| - Chưa hoàn thành                           |            |            |            |            |            |            |
| <b>12. Tin học và Công nghệ (Công nghệ)</b> | <b>132</b> |            |            | <b>132</b> |            |            |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt                   | 117        | x          | x          | 117        | x          | x          |
| - Hoàn thành                                | 15         |            |            | 15         |            |            |
| - Chưa hoàn thành                           |            |            |            |            |            |            |
| <b>13. Tin học và Công nghệ (Tin học)</b>   | <b>132</b> |            |            | <b>132</b> |            |            |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt                   | 119        | x          | x          | 119        | x          | x          |
| - Hoàn thành                                | 13         |            |            | 13         |            |            |
| - Chưa hoàn thành                           |            |            |            |            |            |            |
| <b>14. Kỹ thuật</b>                         | <b>292</b> |            |            |            | <b>149</b> | <b>143</b> |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt                   | 171        |            |            |            | 98         | 73         |
| - Hoàn thành                                | 121        |            |            |            | 51         | 70         |
| - Chưa hoàn thành                           |            |            |            |            |            |            |
| <b>15. Thể dục-GDTC</b>                     | <b>654</b> | <b>108</b> | <b>122</b> | <b>132</b> | <b>149</b> | <b>143</b> |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt                   | 488        | 90         | 93         | 103        | 102        | 100        |
| - Hoàn thành                                | 166        | 18         | 29         | 29         | 47         | 43         |
| - Chưa hoàn thành                           |            |            |            |            |            |            |
| <b>Về năng lực (TT 22/2016)</b>             |            |            |            |            |            |            |
| <b>1. Tự phục vụ</b>                        | <b>292</b> |            |            |            | <b>149</b> | <b>143</b> |
| Chia ra: - Tốt                              | 165        |            | x          |            | 82         | 83         |
| - Đạt                                       | 127        |            |            |            | 67         | 60         |
| - Cần cố gắng                               |            |            |            |            |            |            |
| <b>2. Hợp tác</b>                           | <b>292</b> |            |            |            | <b>149</b> | <b>143</b> |
| Chia ra: - Tốt                              | 163        | x          | x          |            | 85         | 78         |
| - Đạt                                       | 129        |            |            |            | 64         | 65         |
| - Cần cố gắng                               |            |            |            |            |            |            |
| <b>3. Tự học giải quyết vấn đề</b>          | <b>292</b> |            |            |            | <b>149</b> | <b>143</b> |
| Chia ra: - Tốt                              | 153        | x          | x          |            | 90         | 63         |
| - Đạt                                       | 139        |            |            |            | 59         | 80         |
| - Cần cố gắng                               |            |            |            |            |            |            |
| <b>Về phẩm chất (TT 22/2016)</b>            |            |            |            |            |            |            |
| <b>1. Chăm học chăm làm</b>                 | <b>292</b> |            |            |            | <b>149</b> | <b>143</b> |
| Chia ra: - Tốt                              | 182        | x          | x          |            | 90         | 92         |
| - Đạt                                       | 110        |            |            |            | 59         | 51         |
| - Cần cố gắng                               |            |            |            |            |            |            |
| <b>2. Tự tin trách nhiệm</b>                | <b>292</b> |            |            |            | <b>149</b> | <b>143</b> |
| Chia ra: - Tốt                              | 187        | x          | x          |            | 100        | 87         |
| - Đạt                                       | 105        |            |            |            | 49         | 56         |
| - Cần cố gắng                               |            |            |            |            |            |            |
| <b>3. Trung thực kỷ luật</b>                | <b>292</b> |            |            |            | <b>149</b> | <b>143</b> |
| Chia ra: - Tốt                              | 211        | x          | x          |            | 106        | 105        |
| - Đạt                                       | 81         |            |            |            | 43         | 38         |
| - Cần cố gắng                               |            |            |            |            |            |            |

|                                         |            |            |            |            |            |            |
|-----------------------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| <b>4. Đoàn kết yêu thương</b>           | <b>292</b> |            |            |            | <b>149</b> | <b>143</b> |
| Chia ra: - Tốt                          | 217        | x          | x          |            | 111        | 106        |
| - Đạt                                   | 75         |            |            |            | 38         | 37         |
| - Cần cố gắng                           |            |            |            |            |            |            |
| <b>Năng lực cốt lõi (TT27/2020)</b>     |            |            |            |            |            |            |
| <b>1.Năng lực chung (TT27/2020)</b>     | <b>362</b> | <b>108</b> | <b>122</b> | <b>132</b> | <b>x</b>   | <b>x</b>   |
| <b>* Tự chủ&amp;tự học</b>              |            |            |            |            | <b>x</b>   | <b>x</b>   |
| Tốt                                     | 275        | 93         | 88         | 94         |            |            |
| Đạt                                     | 85         | 13         | 34         | 38         |            |            |
| Cần cố gắng                             | 2          | 2          |            |            |            |            |
| <b>* Giao tiếp &amp; hợp tác</b>        | <b>362</b> | <b>108</b> | <b>122</b> | <b>132</b> | <b>x</b>   | <b>x</b>   |
| Tốt                                     | 276        | 92         | 89         | 95         |            |            |
| Đạt                                     | 85         | 15         | 33         | 37         |            |            |
| Cần cố gắng                             | 1          | 1          |            |            |            |            |
| <b>*Giải quyết vấn đề &amp;sáng tạo</b> | <b>362</b> | <b>108</b> | <b>122</b> | <b>132</b> | <b>x</b>   | <b>x</b>   |
| Tốt                                     | 274        | 87         | 90         | 97         |            |            |
| Đạt                                     | 87         | 20         | 32         | 35         |            |            |
| Cần cố gắng                             | 1          | 1          |            |            |            |            |
| <b>2.Năng lực đặc thù (TT27/2020)</b>   |            |            |            |            |            |            |
| <b>*Ngôn ngữ</b>                        | <b>362</b> | <b>108</b> | <b>122</b> | <b>132</b> | <b>x</b>   | <b>x</b>   |
| Tốt                                     | 271        | 91         | 89         | 91         |            |            |
| Đạt                                     | 89         | 15         | 33         | 41         |            |            |
| Cần cố gắng                             | 2          | 2          |            |            |            |            |
| <b>*Tính toán</b>                       | <b>362</b> | <b>108</b> | <b>122</b> | <b>132</b> | <b>x</b>   | <b>x</b>   |
| Tốt                                     | 273        | 91         | 90         | 92         |            |            |
| Đạt                                     | 87         | 15         | 32         | 40         |            |            |
| Cần cố gắng                             | 2          | 2          |            |            |            |            |
| <b>*Khoa học</b>                        | <b>362</b> | <b>108</b> | <b>122</b> | <b>132</b> | <b>x</b>   | <b>x</b>   |
| Tốt                                     | 279        | 97         | 90         | 92         |            |            |
| Đạt                                     | 82         | 10         | 32         | 40         |            |            |
| Cần cố gắng                             | 1          | 1          |            |            |            |            |
| <b>*Thẩm mĩ</b>                         | <b>362</b> | <b>108</b> | <b>122</b> | <b>132</b> | <b>x</b>   | <b>x</b>   |
| Tốt                                     | 280        | 98         | 90         | 92         |            |            |
| Đạt                                     | 82         | 10         | 32         | 40         |            |            |
| Cần cố gắng                             |            |            |            |            |            |            |
| <b>*Thể chất</b>                        | <b>362</b> | <b>108</b> | <b>122</b> | <b>132</b> | <b>x</b>   | <b>x</b>   |
| Tốt                                     | 290        | 103        | 95         | 92         |            |            |
| Đạt                                     | 71         | 4          | 27         | 40         |            |            |
| Cần cố gắng                             | 1          | 1          |            |            |            |            |
| <b>* Công nghệ</b>                      | <b>132</b> |            |            | <b>132</b> |            |            |
| Tốt                                     | 93         |            |            | 93         |            |            |
| Đạt                                     | 39         |            |            | 39         |            |            |
| Cần cố gắng                             |            |            |            |            |            |            |
| <b>*Tin học</b>                         | <b>132</b> |            |            | <b>132</b> |            |            |
| Tốt                                     | 92         |            |            | 92         |            |            |
| Đạt                                     | 40         |            |            | 40         |            |            |
| Cần cố gắng                             |            |            |            |            |            |            |
| <b>Phẩm chất chủ yếu (TT27/2020)</b>    |            |            |            |            |            |            |

|                                                |            |            |            |            |            |            |
|------------------------------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| <b>1. Yêu nước</b>                             | <b>362</b> | <b>108</b> | <b>122</b> | <b>132</b> | x          | x          |
| Tốt                                            | 305        | 97         | 106        | 102        |            |            |
| Đạt                                            | 57         | 11         | 16         | 30         |            |            |
| Cần cố gắng                                    |            |            |            |            |            |            |
| <b>2.Nhân ái</b>                               | <b>362</b> | <b>108</b> | <b>122</b> | <b>132</b> | x          | x          |
| Tốt                                            | 307        | 99         | 106        | 102        |            |            |
| Đạt                                            | 55         | 9          | 16         | 30         |            |            |
| Cần cố gắng                                    |            |            |            |            |            |            |
| <b>3.Chăm chỉ</b>                              | <b>362</b> | <b>108</b> | <b>122</b> | <b>132</b> | x          | x          |
| Tốt                                            | 296        | 100        | 95         | 101        |            |            |
| Đạt                                            | 66         | 8          | 27         | 31         |            |            |
| Cần cố gắng                                    |            |            |            |            |            |            |
| <b>4.Trung thực</b>                            | <b>362</b> | <b>108</b> | <b>122</b> | <b>132</b> | x          | x          |
| Tốt                                            | 292        | 98         | 92         | 102        |            |            |
| Đạt                                            | 70         | 10         | 30         | 30         |            |            |
| Cần cố gắng                                    |            |            |            |            |            |            |
| <b>5.Trách nhiệm</b>                           | <b>362</b> | <b>108</b> | <b>122</b> | <b>132</b> | x          | x          |
| Tốt                                            | 292        | 99         | 93         | 100        |            |            |
| Đạt                                            | 70         | 9          | 29         | 32         |            |            |
| Cần cố gắng                                    |            |            |            |            |            |            |
| <b>IV. HS.K.Tật ĐG</b>                         | <b>6</b>   | <b>2</b>   | <b>2</b>   |            |            | <b>2</b>   |
| <b>V. HS.K.Tật không ĐG</b>                    | <b>0</b>   | <b>0</b>   | <b>0</b>   |            |            | <b>0</b>   |
| <b>VI. Học sinh bỏ học</b>                     | <b>0</b>   | <b>0</b>   | <b>0</b>   | <b>0</b>   | <b>0</b>   | <b>0</b>   |
| <b>VII. Tổng hợp kết quả cuối năm</b>          | <b>654</b> | <b>108</b> | <b>122</b> | <b>132</b> | <b>149</b> | <b>143</b> |
| <b>1. Kết quả GD cuối năm (khối 1,2,3)</b>     | <b>362</b> | <b>108</b> | <b>122</b> | <b>132</b> | x          | x          |
| Hoàn thành xuất sắc                            | 148        | 44         | 53         | 51         | x          | x          |
| Hoàn thành tốt                                 | 105        | 38         | 31         | 36         | x          | x          |
| Hoàn thành                                     | 73         | 24         | 38         | 45         | x          | x          |
| Chưa hoàn thành                                | 2          | 2          |            |            | x          | x          |
| <b>2. Hoàn thành chương trình lớp học</b>      | <b>652</b> | <b>106</b> | <b>122</b> | <b>132</b> | <b>149</b> | <b>143</b> |
| <b>3. Chưa Hoàn thành chương trình lớp học</b> | <b>2</b>   | <b>2</b>   | <b>0</b>   | <b>0</b>   | <b>0</b>   | <b>0</b>   |
| + Rèn luyện trong hè                           | 2          | 2          |            |            |            |            |
| + ở lại lớp                                    |            |            |            |            |            |            |
| <b>4. Khen thưởng cấp trường</b>               | <b>431</b> | <b>82</b>  | <b>84</b>  | <b>87</b>  | <b>96</b>  | <b>82</b>  |
| <b>5. Khen thưởng cấp trên</b>                 | <b>25</b>  | <b>1</b>   | <b>2</b>   | <b>8</b>   | <b>4</b>   | <b>10</b>  |

Hưng Đạo, ngày 29 tháng 5 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Liên Hương







chuẩn







